

Bản án số: 98/2024/HS-ST
Ngày: 29/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bé và ông Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Thái Hoàng K, sinh năm 2004; nơi sinh: huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thái Hoàng A, sinh năm 1982 và bà Ngô Thị P, sinh năm 1981; Bị cáo chưa lập gia đình. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2024 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1955; nơi cư trú: khóm T1, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Kim L, Ông Trần Văn H2, (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/7/2024, Thái Hoàng K đến ở nhà Phạm Thị H ngụ khóm T1, thị trấn H, huyện C để phụ múa hát lễ cúng Am B. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, K đi vào phòng nhà H thì thấy H đang soạn tiền, nên K nảy sinh ý định lấy trộm. Lợi dụng lúc H không có trong phòng, K lén lút đi vào phòng lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 18 kara, 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara và 10.000.000 đồng, được để trong túi áo khoác treo trong tủ quần áo của H. Sau đó, K cất giấu tài sản đã lấy trộm vào trong cốp xe mô tô biển số 66PA-044.51 của Nguyễn Văn H1 (bạn của K), đang dựng trước sân nhà H, rồi K đi vào múa hát phục vụ cúng Am. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H phát hiện tài sản bị mất trộm, nên tìm K để hỏi thì K thừa nhận đã lấy trộm. Cùng ngày, K đến Công an thị trấn H đầu thú và giao nộp tài sản đã lấy trộm.

Quá trình điều tra, thu giữ và xử lý vật chứng: 01 chiếc nhẫn, kiểu kim tiền, loại vàng 18 kara, trọng lượng 2 phân 7 ly; 01 chiếc nhẫn, kiểu nhiều hột, loại vàng 18 kara, trọng lượng 2 phân 7 ly; 01 sợi dây chuyền, có gắn mặt dây chuyền, kiểu xoắn, loại vàng 18kara, trọng lượng 1 chỉ 4 phân 5 ly. Tất cả đã qua sử dụng, đang sử dụng; 10.000.000 đồng (20 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng); 01 xe mô tô biển số 66PA-044.51.

Tại Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG.TTHS ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C: 01 chiếc nhẫn, kiểu kim tiền, loại vàng 18 kara, trọng lượng 2 phân 7 ly, trị giá 1.193.400 đồng; 01 chiếc nhẫn, kiểu nhiều hột, loại vàng 18 kara, trọng lượng 2 phân 7 ly, trị giá 1.193.400 đồng; 01 sợi dây chuyền, có gắn mặt dây chuyền, kiểu xoắn, loại vàng 18kara, trọng lượng 1 chỉ 4 phân 5 ly, trị giá 6.409.000 đồng. Tất cả đã qua sử dụng, đang sử dụng, tổng giá trị tài sản 8.795.800 đồng.

Tại Cáo trạng số 97/CT-VKSCM ngày 02/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Thái Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu; bị cáo thấy ăn năn, hối hận về hành vi của mình, xin xem xét giảm nhẹ một mình hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới thực hành công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu Luận tội giữ nguyên quyết định Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự, áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Thái Hoàng K từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác, không đề cập. *Về hình phạt bổ sung*, hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. *Về xử lý vật chứng*: 01 (một) xe mô tô 66PA-044.51 của Nguyễn Văn T mua của người lạ cách đây 03 năm, với giá 6.000.000 đồng, cho H1 (em ruột) mượn làm phương tiện đi lại cách đây 01 tháng, không biết việc K trộm cắp tài sản, yêu cầu được nhận lại xe nên cần giao trả lại cho T.

Sau khi nghe quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không tranh luận, xác định Cáo trạng truy tố đúng tội, không oan, nói lời sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, không khiếu nại các chứng cứ được thu thập. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại Phạm Thị H, người làm chứng Nguyễn Thị Kim L, Trần Văn H2 vắng mặt không rõ lý do. Đối với những người này, đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo đúng quy định; được Cơ quan điều tra thu thập lời khai chi tiết, toàn diện, đánh giá sự vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng về toàn bộ diễn biến về thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội, các tình tiết khác của vụ án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường được lập vào ngày 31/7/2024; phù hợp tang vật thu giữ do bị cáo giao nộp. Ngoài ra, còn phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ.

Đã đủ căn cứ xác định, do tham lam, vào ngày 30/7/2024, bị cáo đến ở nhà của bà để phụ múa hát lễ cúng Am Bảy B; bị cáo đi vào phòng nhà H thì thấy H đang soạn tiền, nảy sinh ý định lấy trộm, lợi dụng lúc H không có trong phòng, bị cáo lén lút vào phòng lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 18 kara, 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara và 10.000.000 đồng để trong túi áo khoác treo trong tủ quần áo của H; bị cáo lấy toàn bộ tài sản cất giấu vào trong cốp xe mô tô biển số 66PA-044.51 của H1 (bạn của K), đang dựng trước sân nhà H, rồi đi vào múa hát phục

vụ cúng Am. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H phát hiện tài sản bị mất trộm, tìm K để hỏi thì K thừa nhận đã lấy trộm. Cùng ngày, K đến Công an thị trấn H đầu thú và giao nộp tài sản đã lấy trộm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG.TTHS ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định 02 chiếc nhẫn, 01 sợi dây chuyền, đã qua sử dụng, đang sử dụng, trị giá tài sản 8.795.800 đồng. Có căn cứ xác định tài sản bị cáo lấy trộm 18.795.800 đồng. Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo Thái Hoàng K đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố đối với bị cáo Thái Hoàng K về tội danh, điểm, khoản, Điều luật viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng bất chấp, cố ý thực hiện với ý thức mong muốn hậu quả xảy ra. Với bản tính lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tài sản người khác, với cách thức, thủ đoạn lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, bị cáo nhanh chóng tiếp cận và lấy trộm tài sản trị giá 18.795.500 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây lo sợ, bất an trong nhân dân trước tình hình các tội phạm xâm phạm về quyền sở hữu, mà cụ thể là trộm cắp tài sản diễn ra ngày càng táo bạo, liều lĩnh như hiện nay.

Với những nhận định, đánh giá trên, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt khi tái hòa nhập cộng đồng, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, tài sản thu hồi trao trả cho bị hại, bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đến Cơ quan công an đầu thú; nhân thân chưa tiền án, tiền sự là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc là căn cứ giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về đánh giá hành vi khác có liên quan: Đối với, hành vi của Nguyễn Văn T cho Nguyễn Văn H1 mượn xe mô tô, nhưng không biết K cất giấu tài sản trộm cắp trong xe, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác, đây là sự tự nguyện của bị hại nên ghi nhận, không xem xét về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Đánh giá bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không nghề nghiệp cụ thể, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ các vật chứng là xe mô tô biển số 66PA-044.51 của Nguyễn Văn T (anh của H1): Xe mô tô mua của người lạ cách đây 03 năm, với giá 6.000.000 đồng, anh T cho em ruột là H1 mượn làm phương tiện đi lại cách đây 01 tháng, không biết việc K trộm cắp tài sản, yêu cầu được nhận lại xe do đó, cần giao trả chiếc xe nêu trên cho anh T là phù hợp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[10] Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh và hình phạt áp dụng:

Tuyên bố bị cáo Thái Hoàng K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Thái Hoàng K 09 tháng tù (chín tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 31/7/2024.

2. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: không đề cập.

4. Về xử lý vật chứng: Giao trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 66PA -044.51 cho anh Nguyễn Văn T.

5. Về án phí: *Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bị hại Phạm Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- VKSND H. Chợ Mới;
- CQTHAHS Công an huyện Chợ Mới;
- CQĐT Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Văn phòng; Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong